TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2020/DS-PT
Ngày: 23/4/2020
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Cao Thanh Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2020/DSPT ngày 13/01/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1942, địa chỉ: khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.(có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông C là: Ông Đặng Thái H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Hoàng Kim V – 1959, địa chỉ: Khu phố P, Phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị K, Sinh năm 1949, cùng địa chỉ: khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà K là bà Trần Thị N, sinh năm 1983, địa chỉ: Đường P, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Trương Văn T1, sinh năm 1975, địa chỉ: khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

2/ Chị Trương Thị H, sinh năm 1972 và anh Thạch Dũng, sinh năm 1971, cùng địa chỉ: khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

3/ Ủy ban nhân dân Thị xã P, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thụy L – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Nguyễn Ngọc C – Trưởng phòng tài nguyên & môi trường thị xã P;

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Văn C.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-6-2018, đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện ngày 03-10-2018 và tại phiên tòa nguyên đơn: Ông Trương Văn C; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông C là ông Đặng Thái H và Người đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Hoàng Kim V cùng thống nhất trình bày:

Năm 1977 ông Trương Văn C được cha mẹ là cụ Trương Văn T2 (đã chết) và cụ Nguyễn Thị B cho diện tích đất 10.500m^2, tọa lạc tại khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước gồm:

- Diện tích đất 3.036,5m^2 ông C trồng cây lúa hàng năm, đến năm 1991 thì ông C có cho em trai là Trương Văn T mượn để trồng các loại cây ngắn ngày như: lúa, bắp, dưa hấu... Hiện nay ông T vẫn đang sử dụng phần đất này và đã được Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17-10-2012 cho ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K;

- Diện tích đất 5.754,5m^2 (theo kết quả đo đạc ngày 25-3-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P). Năm 1985 ông C trồng cây điều trên đất và trồng xen canh cây ngắn ngày như: đậu phộng, bắp.... Năm 1991 ông C cho ông Trương Văn T mượn trồng dưa hấu, đậu phộng trên phần đất này. Năm 2006 ông Trương Văn T phá cây điều, trồng cây cao su. Hiện nay diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi cha mẹ cho đất năm 1977 thì trên đất chỉ có trồng cây chuối và 01 nhà gỗ trên đất, năm 1983 ông C và vợ là Nguyễn Thị L (hiện bà Là đã chết năm 2016) có trồng cây điều trên phần đất này và trồng cây hàng năm là đậu phộng, bắp... xen canh. Năm 1991 thì ông C cho ông Trương Văn T mượn trồng dưa hấu, đậu phộng trên phần

đất này. Năm 2005 ông C có đòi lại toàn bộ diện tích đất cho mượn và tài sản trên đất nhưng ông T không trả, năm 2006 ông Trương Văn T phá cây điều, làm đất trồng cây cao su trên diện tích đất 5.754,5m^2. Khi đòi thì ông C chỉ đòi ông T mà không làm đơn gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết vì là anh em trong gia đình.

Về yêu cầu khởi kiện: Nay ông C yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K phải trả lại gồm:

- Diện tích đất 5.754,5m^2 theo kết quả đo đạc ngày 25-3-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P. Hiện nay diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất là 370 cây cao su trồng năm 2007, yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K phải thanh lý cây trồng trên đất.

- Diện tích đất 3.036,5m^2 trồng lúa, tại các thửa số 143; 144; 145; 170 và 171, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khu phố Sơn Long, P. Sơn Giang, thị xã P, tỉnh Bình Phước và được Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17-10-2012 cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K; Và yêu cầu tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17/10/2012 do Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất 21,8m^2 đất thuộc thửa 567 (theo kết quả đo đạc ngày 25-3-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P), không thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K.

Lời trình bày của bị đơn: ông T, bà K và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông T, bà K là bà Trần Thị N trình bày:

Ông T, bà K thừa nhận vào khoảng năm 1977 cụ Trương Văn T2 (đã chết) và cụ Nguyễn Thị B là cha mẹ của ông Trương Văn T có cho các con đất để trồng lúa tại khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước là đúng. Tuy nhiên, không chia cho các con cụ thể diện tích bao nhiêu, vị trí nào và không có lập giấy tờ cho đất.

Đối với diện tích đất 5.754,5m^2 theo kết quả đo đạc ngày 25-3-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P và diện tích đất 3.036,5m^2 trồng lúa, tại các thửa số 143; 144; 145; 170 và 171, tờ bản đồ số 31, cùng tọa lạc tại khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước là đất do ông T, bà K khai phá từ năm 1978 và canh tác, sử dụng ổn định từ tháng 6 năm 1986 đến nay không có tranh chấp với ai. Nay nguyên đơn khởi kiện đòi diện tích đất 5.754,5m^2 và diện tích đất 3.036,5m^2 bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trương Văn T1 thừa nhận lời trình bày của bị đơn là đúng, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Trọng hiện được cha mẹ là ông T, bà K tạm giao cho thu hoạch hoa lợi trên diện tích đất 5.754,5m^2, nên anh Trọng không có yêu cầu đối với nguyên đơn, bị đơn hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án;

- Chị Trương Thị H và anh Thạch Dũng hiện đang sử dụng chòi dựng tạm bằng tre và trùm bạt nilon tại thửa 145. Anh Dũng, chị Hồng không có yêu cầu đối với nguyên đơn, bị đơn hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án;

- Ủy ban nhân dân Thị xã P, tỉnh Bình Phước: Ông Nguyễn Ngọc C – Người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn C.

- Ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng diện tích đất 3.036,5m^2 trồng lúa, tại các thửa số 143; 144; 145; 170 và 171, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17-10-2012 cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K;

- Đất có các cạnh: Phía Đông các thửa số 144; 145 và 171 giáp đường đất; Phía Tây các thửa số 143 và 170 giáp mương thủy lợi; Phía Nam các thửa số 170 và 171 giáp đất ông Trương Văn Phụ (thửa đất số 192); Phía Bắc các thửa số 143; 144 và 145 giáp đất ông Trương Văn Kính (thửa đất số 275) và mương thủy lợi.

- Tài sản trên đất không xem xét giải quyết.

Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K.

- Giao cho ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K tiếp tục canh tác, khai thác 370 cây cao su trồng năm 2007 trên diện tích đất 5.754,5m^2 theo chính sách đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Đất có các cạnh: Phía Đông giáp đất anh Trương Văn T1; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp đất ông Trương Văn C.

- Tài sản trên đất là 370 cây cao su trồng năm 2007.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, các chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/11/2019, nguyên đơn ông Trương Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm

13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P. Yêu cầu Tòa án sửa bản án dân sự sơ thẩm số theo hướng buộc ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K phải trả lại gồm:

- Diện tích đất 3.036,5m^2 trồng lúa, tại các thửa số 143; 144; 145; 170 và 171, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khu phố Sơn Long, P. Sơn Giang, thị xã P, tỉnh Bình Phước và được Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17-10-2012 cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K;

- Diện tích đất 5.754,5m^2 theo kết quả đo đạc ngày 25-3-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P. Hiện nay diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất là 370 cây cao su trồng năm 2007, yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K phải thanh lý cây trồng trên đất.

Ngày 22/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P ban hành Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Kim V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước xin thay đổi nội kháng nghị cụ thể: Thay đổi đề nghị Hủy Bản án sơ thẩm thành giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Về áp dụng pháp luật thì đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét phúc căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn C, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn C đúng hình thức, đầy đủ nội dung và trong thời hạn kháng cáo. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P là trong thời gian quy định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn C, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P thấy rằng:

Theo nguyên đơn thì nguồn gốc của diện tích đất 3.036,5m^2 tọa lạc tại khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang, thị xã P là do cha mẹ của ông C, ông T là cụ B và cụ T2 cho ông C từ năm 1977, đến năm 1991 thì ông C cho ông T mượn phần diện tích đất trên. Để chứng minh cho lời trình bày của mình ông C cung cấp các Thông báo nộp tiền thuế đất các năm 1991, 1992, 1994, 1995, 1997 và 1999 của ông Trương Văn C. Còn theo ông T thì cho rằng diện tích đất 3.036,5m^2 là do ông T khai phá từ năm 1978.

Xét thấy, các Thông báo nộp tiền thuế mà ông C cung cấp cho Tòa án không thể hiện rõ nội dung ông C đóng thuế cho diện tích đất nào nên việc ông C cho rằng ông nộp thuế cho phần đất 3.036,5m^2 là không có cơ sở. Mặt khác, ông T và bà K là người lao động trực tiếp quản lý, canh tác, sử dụng đất liên tục trong thời gian dài không có ai tranh chấp, đã thực hiện việc đăng ký, kê khai đất và đã được cấp quyền sử dụng đất theo đúng chính sách pháp luật đất đai. Trong khi đó, ông C cho rằng cho ông T mượn đất năm 1991 nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc cho mượn đất và đến trước khi khởi kiện ông C cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông yêu cầu ông T, bà K phải trả lại diện tích đất 3.036,5m^2. Hơn nữa, lời trình bày của nguyên đơn ông C cũng không được phía bị đơn ông T, bà K thừa nhận. Do đó, có cơ sở khẳng định ông T, bà K là người sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất trên.

Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T, bà K: Xét thấy, việc ông T kê khai về nguồn gốc đất không đúng thực tế, nhưng ông T và bà K là người trực tiếp sử dụng đất từ năm 1991 đến nay không có tranh chấp và thực hiện các thủ tục đăng ký, kê khai theo quy định. Do đó, việc Ủy ban nhân dân Thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K sử dụng diện tích đất 3.036,5m^2 trồng lúa là đúng đối tượng sử dụng đất trên thực tế.

Tương tự đối với diện tích đất 5.754,5m^2: Theo ông C thì diện tích đất 5.754,5m^2 có nguồn gốc từ cha mẹ ông C là cụ B và cụ T2 cho ông C từ năm 1977. Năm 1985 ông C trồng cây điều trên đất và trồng xen canh cây ngắn ngày như: đậu phộng, bắp.... Năm 1991 ông C cho ông Trương Văn T mượn trồng dưa hấu, đậu

phộng trên phần đất này. Ông C đã nộp thuế cho diện tích đất trên theo Thông báo nộp thuế các năm 1991, 1992, 1994,1995,1997 và 1999 mà ông T trông cây cao su. Còn ông T, bà K, cụ B, bà D, bà H và bà H lại khẳng định: Nguồn gốc diện tích đất 5.754,5m^2 tọa lạc tại khu phố Sơn Long, P. Sơn Giang, thị xã P, tỉnh Bình Phước là do gia đình ông T khai hoang từ năm 1978.

Xét thấy, lời trình bày của ông C là không có căn cứ bởi lẽ: Theo các Thông báo nộp tiền thuế đất các năm 1991, 1992, 1994,1995,1997 và 1999 ông Trương Văn C cung cấp đều không có ghi đất trồng cây lâu năm và nộp thuế cho diện tích đất nào. Hơn nữa, ông Ngô Đ là người được phụ trách việc thu tiền thuế đất vào thời điểm đó thì cho rằng: "*Địa phương chỉ thu tiền thuế của ông C đối với đất hàng năm trồng lúa và phần đất nhà ở, Diện tích đất 5.754,5m^2 ông T trồng cây cao su là đất canh tác không năng suất nên địa phương không thu thuế"*. Do đó, lời trình bày của ông C, ông K và ông P cho rằng năm 1983 ông C và bà Nguyễn Thị L trồng cây điều trên diện tích đất 5.754,5m^2 là không có căn cứ.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông C, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng, kháng cáo của nguyên đơn ông C là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, về nội dung áp luật pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 14 của Luật đất đai năm 1987; Điều 26 của Luật đất đai năm 1993; Điều 38, 46, 49, 50 và 52 của Luật đất đai năm 2003; Điều 26 của Luật đất đai năm 2013 là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Do đó, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đối với phần này là có căn cứ được chấp nhận. Tuy nhiên, sai sót trên của cấp sơ thẩm không nghiêm trọng, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó chỉ cần nhắc nhở để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm mà không cần thiết sửa Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn C,

- Chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 688; Điều 8; Điều 221 và Điều 222 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn C.

1/ Ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng diện tích đất 3.036,5m^2 trồng lúa, tại các thửa số 143; 144; 145; 170 và 171, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17-10-2012 cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K;

- Đất có các cạnh: Phía Đông các thửa số 144; 145 và 171 giáp đường đất; Phía Tây các thửa số 143 và 170 giáp mương thủy lợi; Phía Nam các thửa số 170 và 171 giáp đất ông Trương Văn Phụ (thửa đất số 192); Phía Bắc các thửa số 143; 144 và 145 giáp đất ông Trương Văn Kính (thửa đất số 275) và mương thủy lợi.

- Tài sản trên đất không xem xét giải quyết.

Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 535901 (số vào sổ: H 00918/CQ) ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân Thị xã P cấp quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K.

2/ Giao cho ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K tiếp tục canh tác, khai thác 370 cây cao su trồng năm 2007 trên diện tích đất 5.754,5m^2 theo chính sách đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Đất có các cạnh: Phía Đông giáp đất anh Trương Văn T1; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp đất ông Trương Văn C.

- Tài sản trên đất là 370 cây cao su trồng năm 2007.

3**.** Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Nguyên đơn ông Trương Văn C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải nộp tiền án phí.

- Ông Trương Văn C phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và 15.741.294 đồng tiền đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *TAND thị xã P;*
- *CCTHA dân sự thị xã P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thư